

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP
CHỨNG NHẬN HÁN NGỮ CẤP ĐỘ 3 (HSK 3)

Kèm theo quyết định số: /QĐ-DCT, ngày tháng năm 2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Điểm tổng	TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Đức An	03/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	8,2	8,0	Khá	
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/04/2002	Đắk Lắk	6,2	6,0	TB khá	
3	Nguyễn Võ Minh Anh	23/07/2001	Bình Phước	10,0	10,0	Giỏi	
4	Lâm Hoàng Kỳ Anh	07/10/2002	Tây Ninh	10,0	10,0	Giỏi	
5	Nguyễn Phạm Hà Anh	09/01/2001	Hà Nội	9,9	10,0	Giỏi	
6	Nguyễn Công Bằng	28/09/2001	Tây Ninh	6,1	6,0	TB khá	
7	Trần Huỳnh Kim Cương	15/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,7	9,5	Giỏi	
8	Trần Công Cường	31/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	8,3	8,5	Giỏi	
9	Lê Huỳnh Bảo Châu	13/02/2001	Long An	8,6	8,5	Giỏi	
10	Lương Thị Ngọc Châu	09/09/2002	Quảng Ngãi	9,6	9,5	Giỏi	
11	Võ Đặng Ánh Chi	08/03/2001	Đồng Nai	9,3	9,5	Giỏi	
12	Đặng Đoàn Diệp	20/10/2002	Bình Định	8,4	8,5	Giỏi	
13	Ngô Kim Diệu	07/12/2002	Ninh Thuận	7,7	7,5	Khá	
14	Hà Thị Thùy Dung	18/01/2002	Đồng Nai	9,4	9,5	Giỏi	
15	Nguyễn Lâm Mai Duy	28/11/2002	TP. Bạc Liêu	7,9	8,0	Khá	
16	Bàng Kiều Mỹ Duyên	18/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	7,9	8,0	Khá	
17	Lê Nguyễn Thái Dương	30/03/2001	Tiền Giang	7,6	7,5	Khá	
18	Huỳnh Phát Đạt	10/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	9,9	10,0	Giỏi	
19	Nhan Hoàng Đức	16/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	6,4	6,5	TB khá	
20	Đoàn Lệ Giang	31/08/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,3	9,5	Giỏi	
21	Ngô Đặng Phúc Hải	26/03/2001	Trà Vinh	7,9	8,0	Khá	
22	Ngạc Thị Mỹ Hạnh	16/11/2002	Đồng Tháp	8,6	8,5	Giỏi	
23	Hoàng Thị Hồng Hạnh	05/04/2002	Bạc Liêu	9,9	10,0	Giỏi	
24	Dương Thanh Hằng	28/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	9,5	9,5	Giỏi	
25	Nguyễn Ngọc Hân	22/03/2001	Bến Tre	9,1	9,0	Giỏi	
26	Nguyễn Thị Tuyết Hân	26/04/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Giỏi	
27	Đoàn Thị Gia Hân	16/08/2002	Bến Tre	9,9	10,0	Giỏi	

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Điểm tổng	TBC	Xếp loại	Ghi chú
28	Huỳnh Gia Hân	17/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	10,0	10,0	Giỏi	
29	Ngô Thúy Hiền	19/10/2003	Quảng Ngãi	10,0	10,0	Giỏi	
30	Lê Thị Mỹ Hiệp	04/10/2001	An Giang	10,0	10,0	Giỏi	
31	Hoàng Huy Hoàng	01/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	9,2	9,0	Giỏi	
32	Trần Nhựt Huy	25/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,8	10,0	Giỏi	
33	Hồ Minh Huy	18/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	6,1	6,0	TB khá	
34	Phạm Nguyễn Huỳnh Hương	01/10/2000	Long An	6,8	7,0	Khá	
35	Vũ Minh Kiệt	25/05/2002	Đồng Nai	8,7	8,5	Giỏi	
36	Dương Tuấn Kiệt	24/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,2	9,0	Giỏi	
37	Trần Doãn Minh Khang	29/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	7,7	7,5	Khá	
38	Nguyễn Quốc Khánh	22/02/2001	Phan Thiết	8,6	8,5	Giỏi	
39	Trần Thị Tân Khoa	13/02/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,0	7,0	Khá	
40	Lê Thị Lan	16/12/2000	Hà Tĩnh	10,0	10,0	Giỏi	
41	Trịnh Thị Ngọc Linh	06/08/2002	Bình Định	9,5	9,5	Giỏi	
42	Lý Nguyên Long	21/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	7,4	7,5	Khá	
43	Lê Thị Ái Ly	19/08/2001	Bình Định	9,9	10,0	Giỏi	
44	Nguyễn Thị Ngọc Mai	22/05/2023	Bình Phước	7,3	7,5	Khá	
45	Phạm Thị Tuyết Mai	11/10/2001	Quảng Nam	8,8	9,0	Giỏi	
46	Nguyễn Võ Ngọc Mai	11/07/2003	Tây Ninh	10,0	10,0	Giỏi	
47	Lê Ngọc Quế Minh	25/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	9,3	9,5	Giỏi	
48	Nguyễn Lê Minh	27/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	6,4	6,5	TB khá	
49	Lương Anh Minh	14/10/2002	TP. Huế	9,5	9,5	Giỏi	
50	Phan Lê Nhật My	12/04/2002	Bình Định	9,5	9,5	Giỏi	
51	Huỳnh Thúy My	24/07/2001	TP. Hồ Chí Minh	8,9	9,0	Giỏi	
52	Đỗ Thủy Ngân	19/09/2002	Quảng Nam	7,1	7,0	Khá	
53	Phan Thị Thanh Ngân	14/10/2002	Bến Tre	9,9	10,0	Giỏi	
54	Nguyễn Thị Thanh Ngân	27/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	10,0	10,0	Giỏi	
55	Phạm Trương Thanh Ngân	04/12/2002	Long An	6,8	7,0	Khá	
56	Đỗ Hạ Kim Ngân	30/08/2002	Đồng Nai	8,3	8,5	Giỏi	
57	Nguyễn Thị Kim Ngọc	31/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	6,3	6,5	TB khá	
58	Trần Thảo Nguyên	10/06/2001	Vĩnh Long	7,1	7,0	Khá	
59	Nguyễn Thanh Nhân	15/10/2003	Tiền Giang	9,0	9,0	Giỏi	
60	Huỳnh Lê Trung Nhân	06/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	5,2	5,0	Trung bình	
61	Hoàng Châu Nhật	26/04/2002	Bình Định	7,1	7,0	Khá	

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Điểm tổng	TBC	Xếp loại	Ghi chú
62	Đặng Yến Nhi	18/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	7,9	8,0	Khá	
63	Vương Thị Yến Nhi	02/01/2001	Tây Ninh	8,6	8,5	Giỏi	
64	Trương Lê Ý Nhi	27/02/2002	Bình Định	8,1	8,0	Khá	
65	Đoàn Lê Uyên Nhi	16/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	6,0	6,0	TB khá	
66	Trần Thị Tuyết Nhi	15/10/2002	Đồng Tháp	8,7	8,5	Giỏi	
67	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	30/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,6	9,5	Giỏi	
68	Trần Hà Quỳnh Như	01/06/2002	Bình Định	8,3	8,5	Giỏi	
69	Đỗ Trung Phong	05/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	10,0	10,0	Giỏi	
70	Từ Vĩnh Phong	26/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	9,6	9,5	Giỏi	
71	Phạm Thiên Phú	22/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,9	10,0	Giỏi	
72	Lê Hồng Phúc	30/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	9,4	9,5	Giỏi	
73	Nguyễn Thị Thanh Phương	08/10/2002	Quảng Ngãi	9,4	9,5	Giỏi	
74	Trần Thị Linh Phương	23/03/2001	Cần Thơ	9,3	9,5	Giỏi	
75	Hồ Nhật Quang	07/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	5,2	5,0	Trung bình	
76	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	05/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	6,2	6,0	TB khá	
77	Ngô Phương Quỳnh	13/01/2002	Kiên Giang	4,6	4,5	Trung bình	
78	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	25/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	6,3	6,5	TB khá	
79	Lê Anh Sang	05/07/2001	Tiền Giang	5,4	5,5	TB khá	
80	Nguyễn Thị Ái Sâm	18/03/2002	Gia Lai	7,6	7,5	Khá	
81	Võ Đức Tài	11/05/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	5,3	5,5	TB khá	
82	Nguyễn Tấn Tài	17/02/2001	Gia Lai	7,5	7,5	Khá	
83	Ngô Minh Tâm	29/11/2002	Bà Rịa - Vũng Tàu	9,0	9,0	Giỏi	
84	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên	05/05/2001	TP. Hồ Chí Minh	7,7	7,5	Khá	
85	Lê Thị Cẩm Tiên	12/08/2000	TP. Hồ Chí Minh	9,6	9,5	Giỏi	
86	Đặng Thị Thanh Tuyền	01/03/2001	Bình Định	9,0	9,0	Giỏi	
87	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	05/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	8,8	9,0	Giỏi	
88	Nguyễn Thị Mỹ Tuyền	07/05/2002	Quảng Ngãi	8,7	8,5	Giỏi	
89	Phạm Dương Thanh	22/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	6,1	6,0	TB khá	
90	Nguyễn Thái Thành	12/11/2002	Long An	7,0	7,0	Khá	
91	Trương Thanh Thảo	08/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	9,1	9,0	Giỏi	
92	Nguyễn Phương Thảo	01/11/2001	Đồng Nai	9,4	9,5	Giỏi	
93	Nguyễn Minh Thuận	05/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	8,1	8,0	Khá	
94	Võ Hồ Anh Thư	07/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	7,1	7,0	Khá	
95	Đinh Việt Thy	10/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	7,4	7,5	Khá	

Stt	Họ và Tên	Năm sinh	Nơi sinh	Điểm tổng	TBC	Xếp loại	Ghi chú
96	Nguyễn Huỳnh Mỹ Trang	20/12/2002	TP. Hồ Chí Minh	8,3	8,5	Giỏi	
97	Cao Ngọc Phương Trang	09/04/2002	TP. Hồ Chí Minh	6,1	6,0	TB khá	
98	Nguyễn Thị Trâm	30/10/2003	Bình Định	6,2	6,0	TB khá	
99	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	07/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	7,2	7,0	Khá	
100	Nguyễn Thị Thúy Uyên	16/05/2001	Long An	8,8	9,0	Giỏi	
101	Nguyễn Hoàng Mai Uyên	21/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	5,3	5,5	TB khá	
102	Hồ Thị Thúy Vân	02/11/2001	Đồng Nai	10,0	10,0	Giỏi	
103	Huỳnh Thanh Vân	12/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	7,7	7,5	Khá	
104	Vũ Thị Vân	26/12/2001	Nam Định	9,5	9,5	Giỏi	
105	Nguyễn Trần Thảo Vân	07/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	8,9	9,0	Giỏi	
106	Nguyễn Thảo Vi	28/10/2001	Hải Dương	9,3	9,5	Giỏi	
107	Nguyễn Thị Phụng Vĩ	19/05/2002	Đồng Nai	7,4	7,5	Khá	
108	Trần Quốc Việt	17/03/2002	Long An	10,0	10,0	Giỏi	
109	Nguyễn Phi Vũ	26/09/2002	Tiền Giang	6,3	6,5	TB khá	
110	Trương Lê Tường Vy	23/04/2001	Tiền Giang	10,0	10,0	Giỏi	
111	Trần Thị Thảo Vy	23/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	10,0	10,0	Giỏi	
112	Đỗ Phan Tường Vy	26/03/2002	Đồng Nai	8,0	8,0	Khá	
113	Từ Thanh Vy	21/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	9,5	9,5	Giỏi	
114	Nguyễn Thị Trúc Vy	21/06/2002	Tiền Giang	9,7	9,5	Giỏi	
115	Trần Nhật Vy	08/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	9,9	10,0	Giỏi	
116	Nguyễn Ngọc Như Ý	10/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	8,3	8,5	Giỏi	
117	Huỳnh Như Ý	03/03/2002	Bình Định	9,8	10,0	Giỏi	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2024

CHỦ TỊCH HĐKT

TM.TRƯỞNG BAN CHẤM THI